

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22/6/2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bách.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai và ông Nguyễn Trường Ca.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Cường- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 11/2023/TLST-HNGĐ ngày 01/02/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/5/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 08 ngày 13/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Hằng M, sinh năm 2002.

HKTT: KDC N6, phường T, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Vũ Xuân T, sinh năm 1998.

HKTT và chỗ ở: KDC N6, phường T, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, Biên bản ghi lời khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, nguyên đơn chị Hoàng Thị Hằng M trình bày: Chị M và anh Vũ Xuân T, được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND phường T ngày 11/11/2020, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống. Sau ngày cưới chị M về nhà anh T tại khu N6, phường T thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, không tìm được tiếng

nói chung trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã nhau. Đến tháng 9/2022 giữa chị M với anh T xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị M đi chơi với bạn bè về muộn dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Đến tháng 11/2022 chị M đã về nhà đẻ tại xã Q, thành phố Hải Dương sống ly thân đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M xin được ly hôn với anh Vũ Xuân T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Hoàng N- sinh ngày 25/10/2020, Vũ Hoàng S- sinh ngày 10/7/2022. Hiện con chung đang ở với anh T. Khi ly chị M đồng ý để anh T nuôi dưỡng cả hai con chung.

Do hiện nay công việc chưa ổn định nên chị chỉ có thể cấp dưỡng nuôi 02 con với số tiền từ 2.000.000đ đến 3.000.000đ/tháng.

Về quan hệ tài sản, vay nợ, công sức chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Xuân T tại Bản tự khai và các buổi làm việc với Tòa án trình bày: Việc xác lập quan hệ vợ chồng như chị M trình bày trên là đúng. Do chị M tự ý bỏ về gia đình nhà đẻ sống ly thân đến nay chứ anh không đánh đuổi, mặc dù anh cùng gia đình hai bên đã tìm đón và khuyên giải chị M về đoàn tụ nhưng chị M không về. Nay chị M có yêu cầu ly hôn vì con còn nhỏ nên anh không đồng ý ly hôn với chị M ngay mà để các con lớn lên sẽ xem xét sau. Thực tế anh T cũng không còn tình cảm với chị M.

Vợ chồng có con chung như chị M trình bày là đúng. Nếu ly hôn nguyện vọng của anh xin được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Vì thực tế chị M bỏ chồng con đi từ tháng 11/2022 đến nay, chị M không thực hiện việc chu cấp nuôi con như thỏa thuận ban đầu khi ly thân mà bỏ mặc anh và gia đình bên nội lo lắng.

Về quan hệ tài sản, vay nợ, công sức chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng ông Vũ Văn C và bà Nguyễn Thị C1 (là bố mẹ đẻ của anh T, bố mẹ chồng của chị M) cung cấp: Anh T và chị M, được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND phường T ngày 11/11/2020, hai bên gia đình tổ chức cưới theo nghi thức truyền thống. Sau ngày cưới chị M về nhà ông bà tại N6 sống chung với anh T và gia đình. Quá trình chung sống không có mâu thuẫn gì lớn. Sau khi sinh con thứ hai được khoảng 3 tháng thì chị M có biểu hiện khác. Tối ngày 02/9/2022 chị M đi chơi, bỏ con ở nhà và về rất muộn dẫn đến vợ chồng anh T chị M xích mích. Đến ngày 02/11/2022 thì chị M dọn đồ đi sống ở đâu đến nay không rõ, bỏ con không quan tâm gì. Trước đó chị M đã nhiều lần mang đồ nói là về nhà đẻ ở sau đó lại quay lại. Việc ly hôn là quyền của anh T và chị M. Quan điểm của những người làm cha mẹ như ông bà luôn muốn các con đoàn tụ để các cháu đỡ khổ còn anh T và chị M mà cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng anh T chị M có 02 con chung là Vũ Hoàng N- sinh ngày 25/10/2020, Vũ Hoàng S- sinh ngày 10/7/2022. Ông bà là ông bà nội của các cháu nên cam kết hỗ trợ cho anh T nuôi dưỡng các con. Ông bà thấy rằng chị M là người mẹ không có trách nhiệm. Từ khi bỏ đi đến nay không chu cấp nuôi dưỡng các con mà bỏ mặc cho anh T và gia đình ông bà. Hiện anh T và 02 cháu vẫn đang sống chung nhà với gia đình ông bà điều kiện ăn ở sinh hoạt đảm bảo nhưng mong Tòa án xem xét buộc chị M cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về quan hệ tài sản: Anh T và chị M không có tài sản gì, vẫn sống nhờ nhà đất của vợ chồng ông bà.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn chị Hoàng Thị Hằng M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Vũ Xuân T thay đổi quan điểm: Đồng ý ly hôn với chị Hoàng Thị Hằng M; yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Các bên đương sự đã thống nhất thỏa thuận giải quyết được toàn bộ vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Hằng M và anh Vũ Xuân T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao cho anh Vũ Xuân T tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung là Vũ Hoàng N- sinh ngày 25/10/2020, Vũ Hoàng S- sinh ngày 10/7/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi thành niên hoặc có thay đổi khác. Chị Hoàng Thị Hằng M cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi con 2.500.000đ/tháng x 02 con = 5.000.000đ/tháng kể từ tháng 07/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi thành niên hoặc có thay đổi khác và chị M được quyền đi lại thăm con mà không ai được ngăn cản.

Về quan hệ tài sản, vay nợ, công sức chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh bày tỏ quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình thu thập chứng cứ, tiến hành tố tụng tại phiên toà đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị Hằng M và anh Vũ Xuân T. Về quan hệ con chung: Xử Giao cho anh Vũ Xuân T tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung là Vũ Hoàng N- sinh ngày 25/10/2020, Vũ Hoàng S- sinh ngày 10/7/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi thành niên hoặc có thay đổi khác. Chị Hoàng Thị Hằng M cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Trường mỗi con 2.500.000đ/tháng x 02 con = 5.000.000đ/tháng kể

từ tháng 07/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi thành niên hoặc có thay đổi khác và chị M được quyền đi lại thăm con mà không ai được ngăn cản; Về công sức, tài sản, vay nợ chung: Không đặt ra việc xem xét, giải quyết. Về án phí: Buộc chị Hoàng Thị Hằng M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự, người làm chứng được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Bị đơn anh Vũ Xuân T đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại khu dân cư N6, phường T, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2. Nguyên đơn, bị đơn, người tham gia tố tụng khác đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa hợp lệ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Hằng M và anh Vũ Xuân T, được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND phường T ngày 11/11/2020, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xem xét về quá trình chung sống, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị M anh T thấy rằng: Vợ chồng kết hôn và chung sống với nhau được thời gian ngắn đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn đều từ hai phía, khi có mâu thuẫn xảy ra đã không tìm được tiếng nói chung, mặc dù đã được khuyên giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 11/2022 đến nay và chị M đã chuyển đi nơi khác sống không quan tâm đến anh T và các con. Quan hệ hôn nhân giữa chị M với anh Tg không thể hiện sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị M cương quyết xin ly hôn, anh T tuy không còn tình cảm, vì thương con còn nhỏ nên muốn níu kéo nhưng không đưa ra được cách thức đoàn tụ. Tại phiên tòa chị M và anh T mới tự nguyện thuận tình ly hôn. Do vậy, căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình xử Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị Hằng M và anh Vũ Xuân T.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh T chị M có 02 con chung là Vũ Hoàng N- sinh ngày 25/10/2020, Vũ Hoàng S- sinh ngày 10/7/2022, hiện cả 02 con đều đang ở với anh T từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Nay ly hôn anh T tự nguyện xin được tiếp tục nuôi cả 02 con chung và yêu cầu chị M cấp dưỡng theo quy định. Chị M đồng ý giao cho anh T nuôi cả 02 con và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con 2.500.000đ/tháng x 02 con = 5.000.000đ/tháng kể từ tháng 07/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi thành niên hoặc có thay đổi khác. Việc thỏa thuận nuôi con, cấp dưỡng nuôi con của các bên là tự nguyện, phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản, vay nợ, công sức chung: không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Hoàng Thị Hằng M là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị Hằng M và anh Vũ Xuân T;

2. Về quan hệ con chung: Xử Giao cho anh Vũ Xuân T tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung là Vũ Hoàng N- sinh ngày 25/10/2020, Vũ Hoàng S- sinh ngày 10/7/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi thành niên hoặc có thay đổi khác. Chị Hoàng Thị Hằng M cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi con 2.500.000đ/tháng x 02 con = 5.000.000đ/tháng kể từ tháng 07/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi thành niên hoặc có thay đổi khác và chị M được quyền đi lại thăm con mà không ai được ngăn cản;

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản, vay nợ, công sức chung: không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị Hằng M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ, được trừ vào số

tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0003244 ngày 01/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, chị M còn phải nộp tiếp 300.000đ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường Thái Học (q/l hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Bách